

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 6 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

Bà Dương Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2022/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 8x, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N (nhận các văn bản tố tụng, quyết định, bản án của Tòa án nhân dân các cấp): Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số xx, Khu phố x, thành phố B, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022).

- *Bị đơn:* Ông Trần Duy P, sinh năm 1980. Địa chỉ: 91 JLN Permai Impian 3 TMN Permai Impian Seremban 70200 Negeri Sembilan, Malaysia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P (nhận các văn bản tố tụng, quyết định, bản án của Tòa án nhân dân các cấp): Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số xx, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 19/5/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2022, bản tự khai ngày 16/5/2022 và đơn xin vắng mặt ngày 16/5/2022, nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc N trình bày như sau:

Bà và ông Trần Duy P tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã được

cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/4/2019. Thời gian đầu sau khi kết hôn, bà và ông P chung sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì ông P đi nước ngoài làm việc và hiện đang sinh sống ở Malaysia, còn bà sống ở Việt Nam nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ đầu năm 2020 đến nay thì bà và ông P không còn gặp nhau, không còn chia sẻ, chăm sóc cho nhau, rất ít liên hệ. Hiện nay, bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Trần Duy P nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với Trần Duy P, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 19/5/2022, bị đơn Trần Duy P trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày trong đơn xin ly hôn của bà Lâm Thị Ngọc N về hoàn cảnh tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống. Nay ông biết sự việc bà N nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Lâm Thị Ngọc N. Ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do khoảng cách địa lý và điều kiện kinh tế còn hạn hẹp, khó khăn trong việc đi lại nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân cấp trên (nếu có) giải quyết vắng mặt ông.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trần Duy P là ly hôn, nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc N có địa chỉ đang ở số 80, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; bị đơn ông Trần Duy P hiện đang ở Malaysia nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trần Duy P xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 19/4/2019 nên hôn nhân giữa bà N và

ông P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy, bà N và ông P cùng trình bày sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 04 tháng thì ông P đi Malaysia làm việc cho đến nay, vì khoảng cách địa lý nên ông bà không có điều kiện gặp nhau để vun đắp tình cảm cũng như chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày, đến nay ông P vẫn còn làm việc ở nước ngoài nên ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không thể hàn gắn đoàn tụ. Bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông P. Khi biết bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông P cũng trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống chung, bà N và ông P có phát sinh mâu thuẫn, hiện tại các bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông P đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc bà N yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở và ông P cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà N và ông P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà N và ông P đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà N và ông P đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà N và ông P trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Lâm Thị Ngọc N đối với ông Trần Duy P.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc N được ly hôn với ông Trần Duy P.

Bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trần Duy P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

1.2. Về con chung: Bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trần Duy P đều trình bày

không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trần Duy P đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trần Duy P trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007041 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Lâm Thị Ngọc N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Trần Duy P được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Ngọt